

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MÙ CANG CHẢI
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 8 - 2024

V/v: *Không công nhận là vợ chồng.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MÙ CANG CHẢI, TỈNH YÊN BÁI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Tòng Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lìm Thị Nhung.

Bà Lò Thị Mỹ Lệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Lý A Đà - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: Ông Lý A Việt- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 20/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 05 năm 2024 về việc: Không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXXST - HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Mùa Thị X, sinh năm 2002; Địa chỉ: Bản H, xã K huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Lù A C, sinh năm 1995; Địa chỉ: Bản H, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 21/5/2024; Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 22/5/2024 chị Mùa Thị X trình bày:

**** Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh L A C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, đến nay chưa đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân đến nay; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Chị X xác định tình cảm vợ chồng không còn,***

mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu Tòa án không công nhận là vợ chồng.

* *Về con chung*: Chưa có.

* *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2024 bị đơn Lù A C trình bày:

* *Về quan hệ hôn nhân*: Anh và chị Mùa Thị X chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2019, đến nay chưa có đăng ký kết hôn, chỉ tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán tại địa phương. Đến tháng 5 năm 2021 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn gia đình trầm trọng. Khi xảy ra mâu thuẫn đã được hai bên gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không thành. Anh C xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết về đoàn tụ.

* *Về con chung*: Chưa có.

* *Về tài sản và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2024 Ủy ban nhân xã K cho biết: chị Mùa Thị X và anh L A Chư chung sống như vợ chồng từ năm 2019, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, mâu thuẫn gia đình trầm trọng, đã được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hoà giải, nhưng không thành, vợ chồng vẫn tiếp tục xô sát, gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mù Cang Chải phát biểu ý kiến nhận định quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán đã thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng; các đương sự chấp hành đúng pháp luật; các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị X và anh L A C là vợ chồng.

Về con chung: Chưa có nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về tài sản và nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải, tỉnh Yên Bái, Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Nguyên đơn Mùa Thị X khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn anh L A C; trú tại bản H, xã K, huyện M, tỉnh Yên Bái thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mù Cang Chải theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, các đương sự vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy chị Mùa Thị X và anh L A C có đủ điều kiện kết hôn, nhưng không đăng ký kết hôn nên đã vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy quan hệ hôn nhân của chị X và anh C là không hợp pháp. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Không công nhận chị Mùa Thị X và anh L A C là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Chưa có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm Hội đồng xét xử đảm bảo đúng quyền và lợi ích của các bên đương sự.

[6]. Về án phí: Nguyên đơn là đồng bào dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật cho nguyên đơn.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Tuyên bố không công nhận chị Mùa Thị X và anh L A C là vợ chồng.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã Khao Mang;
- Lưu HS

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tòng Văn Q